

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

06 tháng năm 2026

(Kèm theo công văn số: 488 /BVĐK-TCKT ngày 08/7/2026 của Bệnh viện đa khoa Lục Ngạn)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Bệnh viện đa khoa Lục Ngạn công khai tình hình thực hiện dự toán Thu-Chi 06 tháng năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: 1000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện 06 tháng 2026	So sánh (%)	
				Ước thực hiện 06 tháng /Dự toán năm 2026 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 06 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí; thu dịch vụ và thu khác	119.178.000	53.280.049	44,71	188,83
1	Lệ phí, lệ phí				
2	Thu dịch vụ	119.178.000	53.280.049	44,71	86,3
	+ Thu từ BHYT	104.000.000	47.796.319		
	+ Thu từ người bệnh không BHYT	14.000.000	5.117.689		
	+ Thu dịch vụ trông xe, căng tin, quầy thuốc	1.178.000	366.041		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	119.060.000	53.096.493	44,6	107,4
I	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	119.060.000	53.096.493	44,6	107,4
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	119.060.000	53.096.493		
	+ Thu từ BHYT	104.000.000	53.095.272		
	+ Thu từ người bệnh không BHYT	14.000.000	-		
	+ Thu dịch vụ trông xe, căng tin, quầy thuốc	1.060.000	1.221		
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
III	Số phí, lệ phí; thu dịch vụ và thu khác nộp NSNN	118.000	32.434	27,5	56,7
1	Thu phí, lệ phí				
2	Thu dịch vụ	118.000	32.434	27,5	56,7
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình	1.679.115	329.115	19,6	67,6
4.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
4.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	1.679.115	329.115	-	-
	- Khăm sức khỏe nghĩa vụ quân sự	1.350.000	-	-	
	Kinh phí tính giảm biên chế	329.115	329.115		

Ngày 08 tháng 7 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Đỗ Văn Sinh